

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí.
2. Ông Đặng Văn Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Mai Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **686/2017/TLST-HNGĐ** ngày **20 tháng 12 năm 2017** về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **68/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày **20 tháng 4 năm 2018** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1982 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 198, ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 493, ấp T, A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày: Chị và anh Bùi Văn P cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng

thường hay uống rượu, đập phá đồ trong nhà, không quan tâm gia đình, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau, chồng có đến thăm con một hai lần rồi về, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn P. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Trần Miên G, sinh ngày 13/12/2009 (hiện do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Văn P được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim L và ông Bùi Văn P có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà L trình bày: Vợ, chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, ly thân từ đó đến nay. Ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, nếu buộc trở lại sống chung cũng không hạnh phúc, nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông P là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần Miên G, sinh ngày 13/12/2009, từ khi ly thân đến nay con chung sống với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Giao được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giao và nguyện vọng của cháu là được sống với bà L, ông P không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà L. Vì vậy, nghĩ nên để bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn P, anh P có nơi cư trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Bùi Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là có căn cứ.

[3] Chị Trần Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn P. Chị L và anh P có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị L trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị L yêu cầu ly hôn và triệu tập anh P tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu do anh P thường hay uống rượu, không quan tâm gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày trở nên mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ 02/2017 đến nay và trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh P có 01 con chung tên Bùi Trần Miên G, sinh ngày 13/12/2009, hiện do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cháu Giao do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết anh P cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị L và cháu G cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim L đối với anh Bùi Văn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Bùi Văn P.

- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Trần Miên Giao, sinh ngày 13/12/2009 (cháu Giao hiện do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị Trần Thị Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bùi Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận chị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Kim L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị Trần Thị Kim L và anh Bùi Văn P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0018995 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

